

Họ và tên:Lớp:

BÀI TẬP ÔN GIỮA HKI
MÔN TOÁN – LỚP 4
Năm học: 20.... - 20...

I. SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ

1. Số và cấu tạo thập phân của một số

- Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 là **số chẵn**
- Các số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9 là **số lẻ**
- Các số chẵn chia hết cho 2
- Các số lẻ không chia hết cho 2

Bài 1: Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn

- A. 5637 B. 3621 C. 5688 D. 4729

Bài 2: Cho dãy số sau đây: 117, 119, 121, ... , 125, 127. Điền vào chỗ trống

- A. 122 B. 123 C. 124 D. 126

Bài 3: Số gồm 3 chục nghìn, 1 nghìn, 7 trăm và 9 đơn vị

Viết số:.....

Đọc số:.....

Viết số thành tổng:.....

Bài 4: Số 562 324 đọc là

- A. Năm trăm sáu hai nghìn ba trăm hai bốn.
B. Năm trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bốn.
C. Năm trăm sáu mươi hai nghìn ba hai mươi bốn.
D. Năm trăm sáu chục nghìn hai nghìn ba trăm hai bốn.

2. So sánh số

Bài 1: Điền dấu <, >, = thích hợp vào chỗ chấm

- a) 6283 6482 b) $5811 + 24$ 5824
c) 7827 $7000 + 800 + 20 + 7$ d) 48 829 48 830

Bài 2: Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 8316; 8136; 8361; 8166; 8613

3. Làm tròn số

Bài 1: Làm tròn số 47 364 đến chữ số hàng trăm, ta được số

- A. 47 360 B. 47 400 C. 47 000 D. 47 470

Bài 2: Làm tròn số 584 đến chữ số hàng chục, ta được số

- A. 595 B. 590 C. 585 D. 580

Bài 3: Làm tròn số 73 522 đến chữ số hàng nghìn, ta được số

- A. 73 500 B. 73 000 C. 74 000 D. 73 600

4. Các phép tính

Bài 1: Đặt tính rồi tính

- | | | | |
|------------------|------------------|-------------|--------------|
| a) 12398 + 23043 | b) 98721 - 12099 | c) 2209 x 8 | d) 36045 : 5 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| a) $(234 + 500) \times 3$ | b) $25 + (99 - 33) : 6$ |
| | |
| | |
| | |

5. Tính nhẩm (Các tính chất của phép nhân, phép chia)

Bài 1: Điền số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm

- a) $123 + 345 = \dots\dots\dots + 123$
 b) $2345 \times 129 \times 345 = 2345 \times 345 \times \dots\dots\dots$
 c) $M \times N \times 0 = M \times \dots\dots\dots \times N = \dots\dots\dots$

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| a) $233 + 155 + 267 + 345$ | b) $15 \times 5 + 85 \times 5$ |
| | |
| | |

6. Biểu thức số và các biểu thức chữ

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức $(a + b) \times c$

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|
| a) Với $a = 12$; $b = 13$ và $c = 4$ | b) Khi $a = 7$; $b = 19$ và $c = 5$ |
| | |
| | |

7. Tìm số trung bình cộng

Bài 1: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm

Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta lấy các số đó cho số các số hạng.

Bài 2: Tìm số trung bình cộng của các số sau

a) 14 và 38

b) 39; 61; 38 và 22

c) 1250; 1063 và 2037

.....

8. Bài toán liên quan rút về đơn vị

<p>Dạng 1</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tìm giá trị 1 phần • Tìm giá trị nhiều phần 	<p>Dạng 2</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tìm giá trị 1 phần • Tìm số phần được chia
---	--

Bài 1: Có 72 cái sticker đựng đều vào 8 hộp. Hỏi 7 hộp như thế có bao nhiêu cái sticker?

Bài giải

.....

Bài 2: Có 35 cây thước đựng đều vào 5 hộp. Hỏi 63 cây thước như thế đựng được vào bao nhiêu hộp?

Bài giải

.....

9. Bài toán giải bằng ba bước tính

Bài 1: Một cửa hàng ngày thứ Hai bán được 12 chiếc xe, ngày thứ Ba bán được nhiều hơn ngày thứ Hai 6 chiếc xe, ngày thứ Tư bán được nhiều hơn ngày thứ Ba 9 chiếc xe. Hỏi cả ba ngày, cửa hàng đó bán được bao nhiêu chiếc xe?

Bài giải

.....

Bài 2: Bà em chia 50 quả xoài vào các túi, mỗi túi 5 quả. Bà chia tiếp 42 quả mận vào các túi, mỗi túi 7 quả. Hỏi số túi xoài hay túi mận có nhiều hơn và nhiều hơn mấy túi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1. Chu vi/ diện tích hình chữ nhật/hình vuông

Bài 1: Tính chu vi hình vuông



.....

.....

Bài 2: Tính diện tích khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 4m và chiều rộng 5 m

.....

.....

2. Đề - xi - mét vuông, mét vuông và quan hệ giữa các đơn vị đó

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $3 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c) $6000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

b) $300 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

d) $6 \text{ dm}^2 50 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

d) $400 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b) $700 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

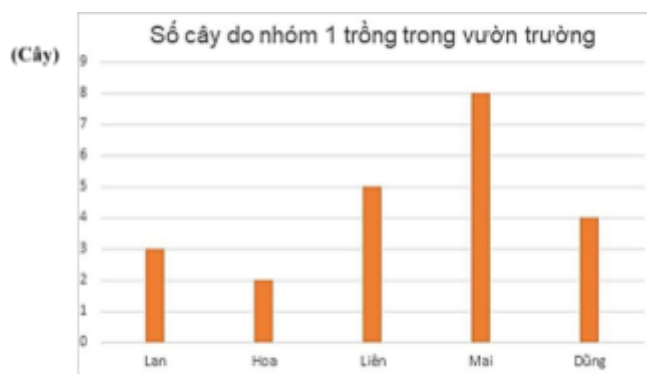
e) $2 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c) $23 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

f) $5 \text{ dm}^2 4 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

III. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1. Biểu đồ cột



Bài 1: Quan sát biểu đồ trên và thực hiện các yêu cầu sau

a) Số cây mỗi bạn trong nhóm 1 trồng được là:

Lan	Hoa	Liên	Mai	Dũng
.....

b) trồng được nhiều cây nhất vàtrồng được ít cây nhất.

c) Bạn Dũng trồng được nhiều cây hơn bạn





d) Bạn Lan trồng được ít cây hơn bạn

e) Sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số cây trồng được từ ít đến nhiều:

.....

2. Dãy số liệu

Bài 1: Quan sát Bảng số lượng mật ong bốn gia đình đã thu hoạch được trong tháng 9 và thực hiện các yêu cầu.

Nhà bác Hùng	
Nhà bác Lan	
Nhà bác Mạnh	
Nhà bác Hoa	

Mỗi  chỉ 10 lít mật ong.

a) Em hãy viết dãy số liệu chỉ số lít mật ong theo từng nhà:

.....

b) Sắp xếp dãy số liệu theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

c) Sắp xếp tên các gia đình theo thứ tự từ ít đến nhiều:

.....

3. Số lần lặp lại của một sự kiện

Huấn luyện viên kiểm tra người tập nhảy xà 50 lần, số lần nhảy qua xà là 40 lần, số lần làm xà bị rơi là 7 lần và số lần không qua xà là 3 lần.

Câu 1: Sự kiện ở đây là gì?

- A. Nhảy không qua xà.
- B. Nhảy qua xà, nhảy làm rơi xà, và nhảy không qua xà.
- C. Nhảy qua xà.
- D. Nhảy làm rơi xà.

Câu 2: Người tập nhảy qua xà được bao nhiêu lần?

- A. 7 lần B. 3 lần C. 50 lần D. 40 lần

Câu 3: Người tập nhảy rơi xà là bao nhiêu lần?

- A. 40 lần B. 7 lần C. 3 lần D. Không lần nào

Câu 4: Dựa vào đâu để biết số lần xảy ra sự kiện?

- A. Huấn luyện viên B. Số lần nhảy C. Người tập D. Không biết được

Câu 5: Sắp xếp các sự kiện từ bé đến lớn?

- A. Không qua xà, làm rơi xà, qua xà
B. Không qua xà, qua xà
C. Làm rơi xà, qua xà
D. Làm rơi xà, không qua xà, qua xà

Câu 6: Huấn luyện viên phải kiểm tra người tập bao nhiêu lần?

- A. 50 B. 40 C. 35 D. 36

IV. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Bài 1: Nhân ngày Halloween, thầy cô đã sử dụng hết 300 mảnh vải hình vuông đầy màu sắc để trang trí nền cho góc chụp ảnh, mỗi mảnh vải có cạnh là 3 cm. Hỏi góc chụp ảnh đó có diện tích là bao nhiêu đề - xi - mét vuông?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Trong giờ Mỹ thuật, mỗi tờ giấy màu hình chữ nhật có chiều dài 30 cm và chiều rộng 20 cm. Cả lớp làm được 50 tấm thiệp, mỗi tấm thiệp dùng một tờ giấy. Hỏi tổng diện tích số giấy màu mà cả lớp đã dùng là bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Chúc các em ôn bài tốt nhé!